**Space và Tab Indentation**

Mỗi indentation level sẽ có những quy định khác nhau về việc cách nhau một nhóm các spaces nhất định với mục đích chủ yếu là để bạn hoặc thành viên khác trong team có thể dễ dàng đọc code của nhau hơn. Các Indentation level thường cách nhau bởi 2 spaces, ví dụ 2 spaces với first indentation, 4 spaces với second indentation, ... Chúng ta có thể setting khi sử dụng các editor để tùy ý một tab tương ứng với bao nhiêu spaces.

Tab Indentation cũng tương tự như vậy và với mỗi indentation level ta lại sử dụng 1 tab. Nói nôm na là mỗi cấp indentation sẽ cách nhau 1 tab. Ví dụ minh họa như sau:

// Ví dụ: thường thì ta sẽ sử dụng 2 spaces cho indentation

function tellName (name) {

console.log('My name is ', name); //dùng dấu nháy đơn cho chuỗi là hợp lý nhất nhé

}

//Thêm vào 1 space đằng sau mỗi keyword

//do

if (condition) {...}

//don't

if(condition) {...}

//thêm vào 1 space trước một function declaration's parenthesese như sau:

//do

function myName (arg) {...}

run(function () { ... })

function foo () { return true }

//don't

function myName(arg) {...}

run(function() { ... })

function foo () {return true}

//infix operators cũng nên được space

//do

var x = y + z ;

//don't

var x=y+z;

//cả dấu phẩy cũng thế

//do

var list = [2, 4, 5, 6]

function greet (name, function) {...}

//don't

var list = [2,4,5,6]

function greet (name,function) {...}

//do

var object = { 'key': 'value' }

//don't

var obj = { 'key':'value' }

var obj = { 'key' :'value' }

Thật ra thì những cái này thì mình thường dùng extension Beautiful Code trên VS Code và cứ mỗi lần save là nó lại fix những lỗi về spacing của mình nên mình cũng chẳng cần động tay động chân nhiều. Nhưng nhớ những điều này cũng sẽ có lợi cho bạn. Biết đâu đấy sau này bạn lại dùng những phần mềm khác không có tính năng này thì sao?

**Hạn chế Horizontal Scrolling**

Thường thì một dòng code sẽ được giới hạn bởi 80 kí tự, chính vì vậy mà ta không nên phá vỡ nguyên tắc này. Nếu bạn viết code mà khiến thành viên khác phải scroll theo chiều horizontal quá nhiều thì sẽ khiến họ cảm thấy bất tiện và khó chịu, bên cạnh đó, nó cũng không tiện cho việc review với những dự án được public lên github.

**Sử dụng Black Line**

Ta cũng có thể sử dụng black line để phân cách các khối lệnh hay logic không liên quan tới nhau, chẳng hạn như

if (num === 1) { //nên dùng dấu "===" thay vì chỉ "=="

for (i = 0; i < arr.length; i++) {

if (arr[i] !== 0) {...}

else if (arr[i] === arr.length) {...}

}

}

**Một số chuẩn Coding khác**

Những chuẩn coding này mình không biết liệt kê chúng vào đâu, nói chung là nhiều lắm nên mình chỉ liệt kê một vài chuẩn thường dùng thôi.

* **Đối với mảng:**

//do

var myItems = [];

var someItems;

someItems.push(x);

//don't

var myItems = new Array();

var someItems;

someItems[someItems.length] = x;

//do

var numbers = [1, 2, 3];

//don't

var numbers = new Array(1, 2, 3);

* **Đối với Object:** ở JS khi ta muốn tạo các method cho object thì nên sử dụng các protype để khai báo. Việc viết như vậy sẽ tách được ra một chỗ là biến sẽ được khai báo ở trong function. Còn method nó sẽ viết ở ngoài. Ngoài ra, ta cũng nên nhớ một vài quy tắc như: tên object phải nằm cùng với dấu { đầu tiên trên cùng một hàng, sử dụng dấu hai chấm giữa key và value, không thêm dấu "," vào cặp key-value cuối cùng, v.v....

function Animal() {}

//don't

var dog = new Animal;

//do

var dog = new Animal();

//Mỗi object nên chứa một getter khi setter được định nghĩa

//do

var person = {

set name (value) {

this.\_name = value

},

get name () {

return this.\_name

}

}

//don't

var person = {

set name (value) { // ✗ avoid

this.\_name = value

}

}

//prototype cho object

function myPetName (options) {

options || (options = {});

this.name = options.name || 'no name';

}

myPetName .prototype.getName = function getName () {

return this.name;

};

myPetName .prototype.toString = function toString () {

return 'Jedi - ' + this.getName();

};

//với những object nào ngắn có thể ghi như thế này trên cùng một dòng

var person = {firstName:"Huan", lastName:"HH", age:50, eyeColor:"black"};

* **Đối với các statements**

//dùng break cho mỗi trường hợp của switch

//don't

switch (filter) {

case 1:

doSomething()

case 2:

doSomethingElse()

}

//do

switch (filter) {

case 1:

doSomething()

break

case 2:

doSomethingElse()

}

/\*

Giữ cho statement else ở cùng một dòng với dấu {}, và cho dù câu điều kiện if của bạn chỉ có một dòng thì cũng nên đặt nó ở trong dấu {}

\*/

//do

if (condition) {

console.log('hello world');

} else {

// ...

}

//don't

if (condition)

console.log('hello world');

else {

// ...

}

​